

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2022/HS-ST**

Ngày: 17/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thái Ngọc Minh**

2. Ông **Thái Văn Phúc**

3. Bà **Phạm Kiều Diễm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tiên** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Vương Quốc Diệu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự lý số: 19/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Thị Lệ T, sinh năm 1968, tại Kiên Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, ấp Kinh I, xã HĐ, huyện KL, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 5/12; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Cha **Phạm Thành Ph**; Mẹ **Nguyễn Thị S**; Chị, em ruột: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1955, nhỏ nhất sinh năm 1964; chồng **Lê Văn Đ**; con 01 người sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày từ ngày 20/11/2021 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo: Luật sư **Trần Quang Á** - Văn phòng luật sư **Quang Á** thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bị hại:

Bà **Tôn Thị U**, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, ấp HG, xã HĐ, huyện KL, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Kinh I, xã HĐ, huyện KL, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Lệ T là khách hàng thường mua vật tư nông nghiệp và nhiều lần mượn tiền của bà Tôn Thị U, ngụ tại ấp HG, xã HĐ, huyện KL, tỉnh Kiên Giang, đều trả nợ đúng hạn nên được bà U tin tưởng. Lợi dụng sự tin tưởng đó, vào ngày 01/11/2021, T bàn với chồng là ông Lê Văn Đ, đến nhà bà U để hỏi mượn tiền, mục đích là mượn để trả nợ, tiêu xài cá nhân và sẽ trả dần; nhưng nói dối là mượn để đáo hạn ngân hàng. Sau đó, vợ chồng T chạy xe honda đến nhà hỏi mượn 01 tỷ đồng và hứa trả sau 03 ngày, bà U đồng ý và hẹn 02 ngày sau đưa tiền, nhưng sau khi trở về nhà thì ông Đ không đồng ý cho T mượn tiền của bà U nữa và ông Đ đi ghe biển. Ở nhà, T tự ý đến nhà bà U mượn tiền như đã hỏi trước đó. Theo đó, vào khoảng 8 giờ ngày 03/11/2021, T kêu con gái Lê Thị Hoài Thng chạy xe honda chở đến nhà bà U để mượn tiền. Khi đến nơi, Thng đứng đợi ở bên ngoài, còn T vào nhà và được bà U đưa cho mượn 01 tỷ đồng tiền Việt Nam; do tin tưởng nên bà U không yêu cầu T ký giấy xác nhận việc mượn tiền. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T nhờ người cháu là Lê Thị H chở đến nhà bà U để mượn thêm 200 triệu đồng. Khi đi, T lấy 60 triệu đồng trong số tiền 01 tỷ đồng đã mượn trước đó, mang theo để trả tiền mua vật tư và tiền nợ trước đó cho bà U. Tại nhà bà U, T trả nợ 60 triệu đồng và hỏi bà U cho mượn thêm 200 triệu đồng nên bà U đã đưa lại cho T số tiền 60 triệu đồng và đưa thêm 140 triệu đồng. Tổng cộng, T mượn của bà U 1,2 tỷ đồng, việc giao nhận tiền không lập thành văn bản. Sau đó, T dùng số tiền 340 triệu đồng để mua vàng như nhẫn, dây chuyền, lắc, bông tai, vòng ximen và tiêu xài cá nhân. Sau khi mua vàng xong, T đem vàng và số tiền 800 triệu đồng còn lại cất giấu vào một cái thùng phi bằng nhựa màu xanh đựng tro trấu ở sau nhà.

Đến ngày 08/11/2021, bà U gọi điện để đòi tiền thì T không nghe máy, cố tình lẫn tránh, nói dối với bà U là không có ở nhà. Ngày 09/11/2021, bà U đến nhà đòi tiền thì T phủ nhận, nói rằng không mượn tiền và thách bà U đi thưa nên bà U làm đơn tố giác gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiên Lương. Sau khi làm việc với Công an, T đã thừa nhận hành vi phạm tội và giao nộp lại số vàng đã mua và 800 triệu đồng tiền mặt; toàn bộ tài sản này đã trả lại cho người bị hại.

** Việc thu giữ vật chứng:*

01 điện thoại di động hiệu Mobell, màu vàng, có gắn thẻ sim mang số thuê bao 0395022389, đã qua sử dụng.

Bản Cáo trạng số: 26/CT-VKSTKG-P2, ngày 28/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Phạm Thị Lệ T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và xác định giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, chưa có tiền án tiền sự, gia đình có công cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Lệ T mức án tù 08 - 09 năm tù.

** Về xử lý vật chứng:*

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động hiệu Mobell, màu vàng, có gắn thẻ sim mang số thuê bao 0395022389, đã qua sử dụng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo:

Thống nhất đối với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, đã trả lại toàn bộ tài sản cho người bị hại, gia đình bị cáo có công cách mạng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mức án Viện kiểm sát đề nghị là cao nên xin Hội đồng xét xử xem xét xử nhẹ hơn mức án mà Viện kiểm sát đề nghị.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Bị hại Tôn Thị U đã nhận lại đủ tài sản và không có yêu cầu gì thêm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ đồng ý bồi thường thay cho bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Ngày 01/11/2021, T cùng chồng là ông Lê Văn Đ bàn bạc rồi đến nhà bà U để hỏi mượn tiền 1 tỷ, mục đích là mượn để trả nợ, tiêu xài cá nhân và sẽ trả dần; nhưng nói dối là mượn để đáo hạn ngân hàng, hứa trả sau 03 ngày, bà U đồng ý và hẹn 02 ngày sau đưa tiền, sau đó ông Đ đi ghe biển và nói với vợ không mượn tiền bà U nữa. Ở nhà, ngày 03/11/2021 T tự ý đến nhà bà U mượn tiền số tiền 1 tỷ đồng như đã hỏi trước đó và không làm biên nhận; Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T đến nhà bà U để mượn thêm 200 triệu đồng, bà U đưa cho T 140 triệu đồng, còn 60 triệu đồng trừ vào để trả tiền mua vật tư và tiền nợ trước đó cho bà U. Tổng cộng, T mượn của bà U 1,2 tỷ đồng. T dùng số tiền 340 triệu đồng để mua vàng, T đem vàng và số tiền 800 triệu đồng còn lại cất giấu. Đến hạn trả tiền bà U gọi điện để đòi tiền thì T không nghe máy, cố tình lẩn tránh, nói dối không có ở nhà, khi bà U đến nhà đòi tiền thì T phủ nhận, nói rằng không mượn tiền để chiếm đoạt số tiền 1,2 tỷ đồng. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Phạm Thị Lệ T về

tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác trái pháp luật gây bức xúc trong dư luận. Thời gian đầu bị cáo mượn tiền bị hại và trả đúng hạn theo thỏa thuận nên tạo được lòng tin uy tín đối với bà U. Sau đó bị cáo bắt đầu nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người bị hại bằng cách nói dối mượn tiền để đáo hạn ngân hàng, nhưng thực tế bị cáo mang đi mua vàng và tiêu sài cá nhân, số tiền còn lại cất giấu nhằm chiếm đoạt, khi người bị hại đòi lại tiền thì bị cáo né tránh và không thừa nhận việc mượn tiền, đến khi công an trích xuất camera thì bị cáo mới thừa nhận hành vi phạm tội của mình, hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng nên cần phải được xử lý nghiêm. Trên cơ sở đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét quyết định mức án tương xứng nhằm răn đe giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung loại tội phạm này.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chồng của bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nhân thân tốt, cha bị cáo là Phạm Thành Phương có công cách mạng được tặng Huân chương hạng nhất và Kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét khi áp dụng hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đủ răn đe giáo dục đối với bị cáo.

[6] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về yêu cầu của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh của bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho người bị hại, bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo, gia đình bị cáo có công cách mạng là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên luật sư đề nghị xử thấp hơn mức án Viện kiểm sát đề nghị là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Mobell, màu vàng, có gắn thẻ sim mang số thuê bao 0395022389, đã qua sử dụng do bị cáo dùng vào việc phạm tội.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong và bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Lệ T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Lệ T 08 (Tám) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 20/11/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Mobell, màu vàng, có gắn thẻ sim mang số thuê bao 0395022389, đã qua sử dụng.

(Theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 08 ngày 21/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Thị Lệ T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

4. Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh KG;
- Sở Tư pháp tỉnh KG;
- THA tỉnh KG;
- Cơ quan điều tra tỉnh KG;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG;
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Luật sư;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Hồng